

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÙNG KHÁNH  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02/12/2024

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Dự

2. Bà Lục Thị Tuyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Văn Noọng – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:** Bà Nông Thị Huyền Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2024 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXHNGĐ - ST ngày 15 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT: Xóm K - P, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện tại: Xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1995;

Nơi ĐKKHKT: Xóm K - P, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam công an tỉnh B, địa chỉ: D, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/10/2024 và các lời khai tiếp theo tại bản tự khai, nguyên đơn Hoàng Thị T trình bày: Năm 2018, sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh Q tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng ngày 07/5/2018, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc yêu thương chăm sóc nhau. Tuy nhiên, do quan điểm

sống khác biệt, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng, không ai nhường nhịn ai, anh Q vi phạm pháp luật nay phải đi chấp hành án nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó. Vì vậy đến tháng 07 năm 2023, thì hai vợ chồng ly thân đến nay vì tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Hiện nay, anh Q đang chấp hành án tại Trại tạm giam công an tỉnh B. Nhận thấy, giữa hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Hoàng Văn Q. Trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng có một con chung tên Hoàng Bảo C, sinh ngày 05/4/2018, hiện nay đang sống với chị T tại nhà ngoại ở xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Giữa chị và anh Q không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2024, bị đơn Hoàng Văn Q xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị T trình bày là đúng. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh không nhất trí cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hoàng Bảo C, sinh ngày 05/4/2018, do đang phải chấp hành án tại trại giam nên anh sẽ nhờ người thân ở ngoài nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu thay anh. Các vấn đề khác anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đang chấp hành án tại trại giam nên anh Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn anh Q, sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn Q;
- Về con chung: Giao cháu Hoàng Bảo C cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q;
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;
- Về án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí để sung quỹ Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Hoàng Văn Q có hộ khẩu thường trú và trước khi đi chấp hành án thì cư trú tại: Xóm K - P, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về năm sinh của đương sự: Trong các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn Hoàng Thị T nộp cho Tòa án có sự mâu thuẫn về năm sinh: Trong bản phôi tô CCCD và Giấy xác nhận thông tin cư trú thể hiện chị Hoàng Thị T sinh ngày 10/6/1994 còn trong Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và giấy khai sinh là 10/6/1993. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh đã tiến hành xác minh tại Công an xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Kết quả xác minh ngày 27/11/2024 Công an xã N xác nhận chị Hoàng Thị T sinh ngày 10/6/1993 và chị T sinh ngày 10/6/1994 là cùng một người.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Hoàng Thị T yêu cầu ly hôn anh Hoàng Văn Q, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị T yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn Q tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 07/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị T và anh Q là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh Q có hành vi vi phạm pháp luật, hiện nay đang trong thời gian chấp hành án phạt tù. Từ đó hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị T và anh Q có 01 con chung Hoàng Bảo C sinh ngày 05/4/2018, hiện nay đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh Q đang trong thời gian chấp hành án tại trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung và theo quy định của pháp luật thì cha, mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung nên việc anh Q đề nghị được nuôi cháu C và nhờ người thân giúp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung trong thời gian anh đang chấp hành án tại trại giam là không phù hợp. Vì vậy, cần giao cháu C cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q là có căn cứ.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

2. *Về con chung*: Giao cháu Hoàng Bảo C, sinh ngày 05/4/2018 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Hoàng Văn Q.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ tại Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002750 ngày 24 tháng 10 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng thu.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hoàng Văn Q có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Ngọc Côn;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lý Thị Hoài**